

Ngôi Chùa Thiên Mụ Quê Tôi

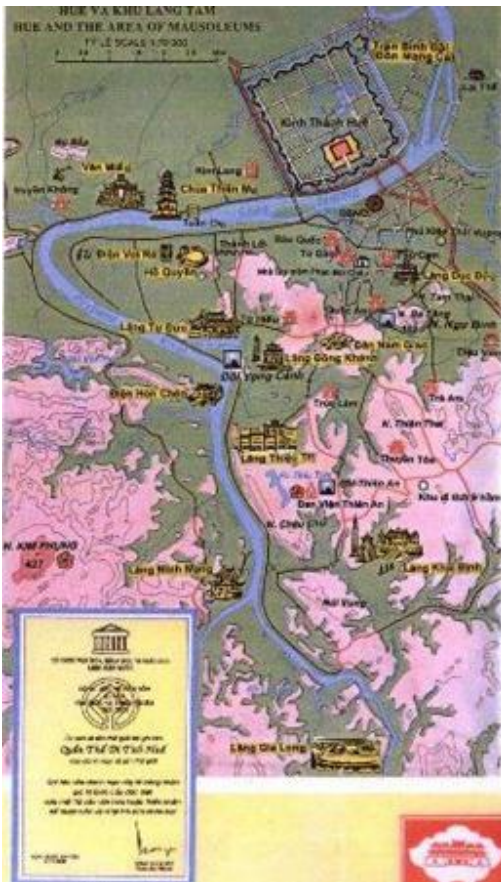
Bài và ảnh Võ Quang Yến



*Tiếng chuông Thiên Mụ dặn dò
Em đi : cảnh vắng hèn hò cùng ai?*

Tôi còn nhớ hôm nhà tôi bảo vệ luận văn trên đề tài ngôi chùa Thiên Mụ, nghe các giáo sư trong ban giám khảo và thí sinh vui vẻ tranh luận về mấy chữ "anh đi", "em đi", ai đi, ai đợi, ai hèn, ai buồn trong câu ca dao quen thuộc, có lẽ là người đi lại nhiều nhất ngôi chùa này trong số các thánh giả ở giảng đường hôm ấy, tôi thâm lặng thú vị thấy ngôi chùa thân thương tuổi trẻ của mình nay được trình bày trong viện đại học giữa kinh thành ánh sáng Paris. Nói cho đúng, chùa Thiên Mụ không đồ sộ như đài Borobudur bên Java, bí ẩn

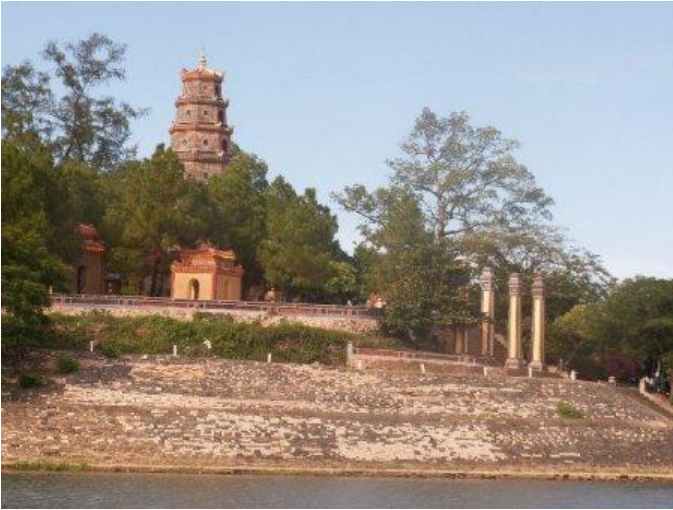
như kim tự tháp Ai Cập, mỹ miều như đền Taj Mahal xứ Ấn Độ, lâu đời như nhà thờ Đức Bà Paris, ... nhưng thiên tự duyên dáng này âm thầm quyến rũ khách lạ xem, luôn gây ra một ấn tượng nhớ nhung dạt dào trong lòng người đến viếng. Đừng nói đến những trai thanh gái lịch đã từng dặt nhau lại vãn cảnh sân chùa, đập lá vàng khô, hay ngắm nhìn sông núi, tình tự thề ước, chùa Thiên Mụ luôn vẫn là nơi chứa đầy kỷ niệm êm đềm, suốt đời khó quên.



Về mặt lịch sử, ngôi chùa này là một cơ sở quan trọng của thành Huế và từ năm 1993, cùng với thành phố, chùa đã được Cơ quan Văn hóa Liên hiệp quốc công nhận làm Di sản Nhân loại. Thật vậy, được xây dựng trên đồi Hà Khê năm 1601, từ thuở Đuan Quận công Nguyễn Hoàng, năm 34 tuổi, vài năm sau từ ngoài Bắc vào đây trấn thủ, chùa trở thành nhà thờ chính thức của triều Nguyễn. Liên tục chứng kiến những bước thăng trầm, những thời thịnh suy của vương triều cuối cùng nước ta, góp phần vào cuộc phát triển Phật giáo ở Việt Nam, chùa Thiên Mụ đã để lại nhiều tài liệu trong sách sử, tuy ngày nay lắm nhà học giả đang còn suy luận, bỏ công tìm hiểu nhiều chi tiết ngay tại chỗ. Ngay tên ngôi chùa đã là một huyền thoại có ý nghĩa. Từ lâu, năm 1719, Bảng Trung Hầu Nguyễn Khoa Chiêm (1659-1736) đã có viết trong cuốn Nam triều công nghiệp diễn chí : " ...Đêm hôm ấy bỗng có một người đàn bà trông thể sắc thì còn trẻ, nhưng mày tóc bạc phơ, mình vận áo đỏ quần xanh ngồi dưới chân đồi than vãn, rồi cất tiếng to : đời sau nếu có bậc quốc chủ muốn bồi đắp mạch núi để làm mạch cho Nam triều, thì nên lập chùa thờ Phật, cầu thỉnh linh khí trở về nơi núi này để phúc dân giúp nước, tất không có gì phải lo...Người đàn bà ấy nói xong liền biến mất...."

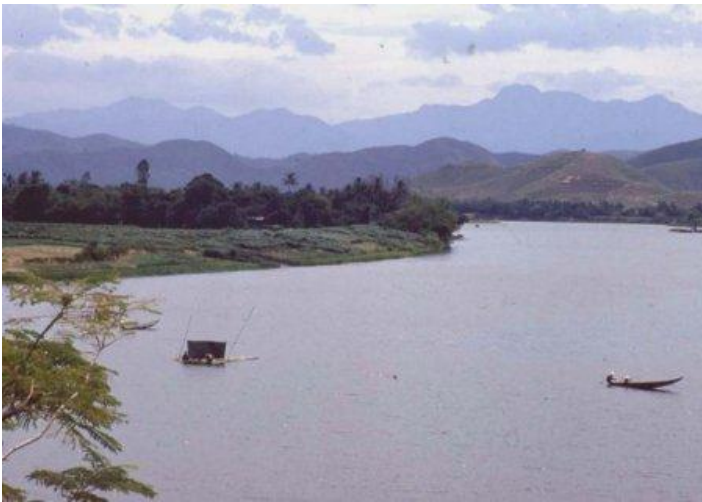
Non 200 năm sau, năm 1910, ..trong bộ Đại Nam nhất thống chí, cũng có kể lại sự tích này. Tuy lời của người đàn bà có phần khác " ...Sau sẽ có vị chân chúa đến sửa sang dựng lại chùa này, tụ linh khí để giữ vững long mạch cho được bền vững. Nói xong thì biến mất, nhân đó mà núi này được gọi là Thiên Mụ sơn . Chúa thượng cho rằng đất này có linh khí, bèn dựng chùa gọi là Thiên Mụ tự...." nhưng không ngoài mục đích của các vua chúa Nguyễn dựa vào thiên nhiên,

thần thánh để hợp pháp hóa bá quyền của mình, tin tưởng ở lời khuyên của Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) : Hoàn sơn nhất đá, vạn đại dung thân.



Đồi Hà Khê nằm về phía tây thành phố Huế, khoảng 6km, trên bờ tả ngạn sông Kim Trà hay Linh Giang tức là sông Hương bây giờ, hướng về dãy Trường Sơn hùng vĩ, còn mang những tên Hương Oản, Uyển Sơn huyền bí, được xem như điểm sơn triều thủy tụ giữa sông và núi, nơi phát xuất một nền văn hóa Phú Xuân phong phú lưu truyền mấy trăm năm. Tục truyền Cao Biền (821-887), thuở làm tiết độ sứ Giao Châu, đi ngang qua đây thấy cánh đồi giống như một đầu rồng trong thế long hồi cổ tổ khoa địa lý phong thủy, bèn cho đào núi cắt đứt long mạch, cố ý yểm phá một sự nghiệp lớn có thể bật khởi trong tương lai. Dân địa phương trước kia đã có dựng trên nền một tháp Chăm cũ một thảo am thờ tự mang tên chùa Thiên Mỗ, nóc ở đỉnh núi chân gối dòng sông. Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1525-1613) nắm cơ hội tự xưng mình là chân chúa, liền cho lấp núi, dựng lên nền cũ thảo am ấy một ngôi chùa đặt tên chùa Thiên Mụ, trên bản viết Thiên Mụ Tự, cầu thỉnh linh khí trở về nơi núi này để bảo toàn long mạch, phúc dân giúp nư ớc. Hành động khôn ngoan của Nguyễn Hoàng không những đem lại an cư lạc nghiệp cho dân quanh vùng Hóa Châu mà còn làm thành điểm phát xuất một vương triều Nguyễn trước 13 đời chúa, sau 9 đời vua, thống nhất đất nước thu về một mối. Chỉ một đời sau, trong thời chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1614-1635), dân cư đã đến đông đúc quanh vùng. Nhưng phải đợi đến đời chúa Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần (1620-1687) mới lại nghe nói đến chùa với kỳ trùng tu năm 1665, vào lúc thiền sư Tạ Nguyên Thiều dòng Lâm Tế từ Quảng Đông đến hoàng dương Phật pháp ở Đàng Trong và qua trụ trì chùa Hà Trung ở huyện Phú Lộc dưới đời chúa Nguyễn Phúc Thái (1650-1691).

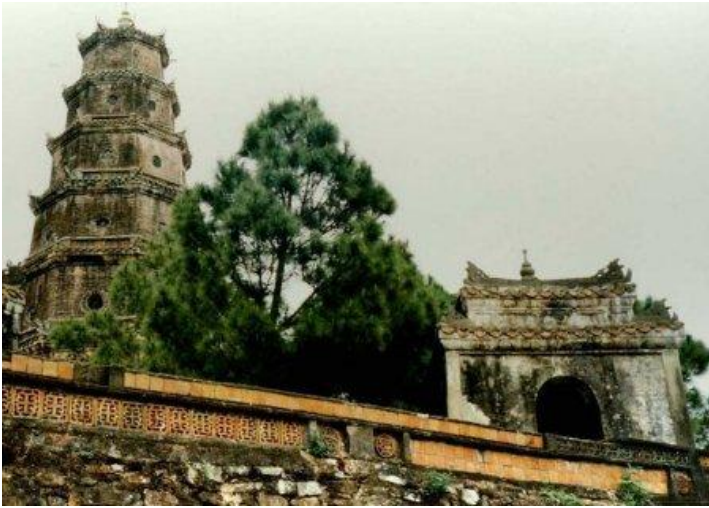
Phật giáo chỉ phát triển mạnh mẽ từ đời Quốc Chúa Minh Vương Nguyễn Phúc Chu (1675-1725) là người có tiếng mộ đạo. Năm 1695 chúa mời Thạch Liêm Hòa Thượng tức Đại Sán Hán Ông lại ở chùa tám tháng. Theo miêu tả của hòa thượng, chùa Thiên Mụ hồi ấy là đã là điện đài tuy lợp tranh, tường vách ván đổ, nhưng kèo, cột, rui, mè bằng gỗ quý, chạm trổ hoa văn theo phong cách mỹ thuật truyền thống, quanh vườn trồng cây cổ thụ. Năm 1710, chúa cho đúc chuông lớn cung phụng Tam Bảo, nhân tứ nguyệt Đán nhật, tức lễ Phật đản tháng tư năm Canh Dần. Năm 1714, chúa cho san bằng đỉnh đồi Hà Khê, huy động quan chức, tuyển chọn quân lính, tìm gỗ đá ở các tỉnh về chạm trổ, sửa chữa chùa rộng đẹp trong hơn một năm. Chính ngay chúa đã thống kê những điện lầu xây dựng sau thời kỳ trùng tu trong một tấm bia đá cẩm thạch đặt trên lưng tượng một con rùa : " Từ cửa núi đi vào có điện Thiên Vương, điện Ngọc Hoàng, bảo điện Đại Hùng, nhà thuyết pháp, lầu Tầng Kinh. Hai bên là lầu Chuông và lầu Trống, rồi điện Thập Vương, nhà Vân Thủy, nhà ăn, nhà tọa thiền, rồi điện Đại Bi, điện Dược sư, nhà ở của chư tăng, nhà trọ cho khách, không dưới vài mươi sở. Bên sau là vườn Tì Da, trong vườn có nhà Phương trượng, và các chỗ cũng không dưới vài chục sở. Tất cả đều sáng chói rực rỡ, khiến cho người xem phải kinh ngạc sợ hãi. Thật là một tòa Quang Minh trong thế giới toàn sắc vàng rực vậy." Chúa đổi tên chùa thành Thiên Mụ Thiên Tự.



Tuy là quốc tự và là nơi thừa tự dòng họ các chúa Nguyễn, sau chúa, chùa bị bỏ hoang, gỗ hư mọt, ngói lở sứt, và qua năm 1775, lúc Định Vương Nguyễn Phúc Thuần (1754-1777) chạy trốn vào nam, kinh thành Phú Xuân bị quân Trịnh tàn phá thì chùa hoàn toàn đổ nát, kinh luận hủy hoại tiêu tán. Thời Tây Sơn (1786-1801), Phan Huy Ích (1750-1822) đã từng đau lòng trước cảnh hoang tàn lạnh lẽo (1788) : Am xưa nay biến tể đàn, Chùa xưa thờ Phật nay toàn để xe.



Khi Gia Long (1762-1820) lên ngôi (1802), nhà vua đợi đến năm 1815 mới cho sửa chữa chùa. Bửu điện Đại Hùng được xây lại nhưng vẫn giữ chỗ cũ từ thời Nguyễn Hoàng, vua cho xây thêm các điện Di Lạc, Quán Âm, Thập Vương, Tầng Kinh Lâu, Lô Gia, lầu Chuông, lầu Trống hai bên Nghi Môn. Năm 1825, vua Minh Mệnh (1791-1841) lại cho sửa chữa tiếp rồi nhiều lần cho thiết trai đàn. Việc làm đáng kể của vua Thiệu Trị (1807-1847) là cho xây tháp Phước Duyên năm 1844-1845 "Ta vốn chẳng phải kẻ sùng đạo, chỉ vì sùng nguyện của dân nên cho lập chùa mà thôi". Ngày nay, tháp thờ Phật nhưng nghe theo di chiếu của vua Minh Mệnh thì phải là một công trình hỗn hợp hài hòa tam giáo và tín ngưỡng dân gian. Ngoài ngôi tháp, nhà vua đã cho sửa chữa nhiều, xây điện đài mới vào thay thế những sở nhà hư sập. Trước ngôi tháp được dựng đình Hương Nguyện trên nóc có pháp luân luôn quay theo chiều gió, hai bên có hai bi đình hình tứ giác, từ bến sông đi lên có bốn trụ hoa biểu rất cao. Nói chung kiến trúc chùa đã thật hoàn hảo và gần giống như ngày nay trừ vài thay đổi. Đồng thời vua cũng cho tổ chức nhiều lễ lớn, Lạc thành, Đảo vũ, Vu lan. Trong bảng kê 20 thắng cảnh đất Thần Kinh kèm theo 20 bài thơ ca tụng, chùa Thiên Mụ qua bài Thiên Mụ chung thanh được sắp số mười bốn. Gió đưa cành trúc la đà, Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương. Mỗi lần lên chùa với con, em, gia đình, vua hay làm nhiều bài thơ, cho khắc vào bia đá. Năm 1862, vua Tự Đức (1829-1883) sợ chữ Thiên phạm đến Trời nên cho đổi tên Thiên Mụ Tự ra Linh Mụ Tự, hy vọng có con nối dõi, từ đây dân gian có hai danh từ để gọi chùa. Năm 1899, vua Thành Thái (1879-1947) lại cho sửa chữa, năm 1920 cho dựng bia ghi bài thơ ca tụng về đẹp của chùa. Nói chung, người nhiều kẻ ít, phần lớn các vua chúa nhà Nguyễn đều có lo chăm sóc ngôi quốc tự này.

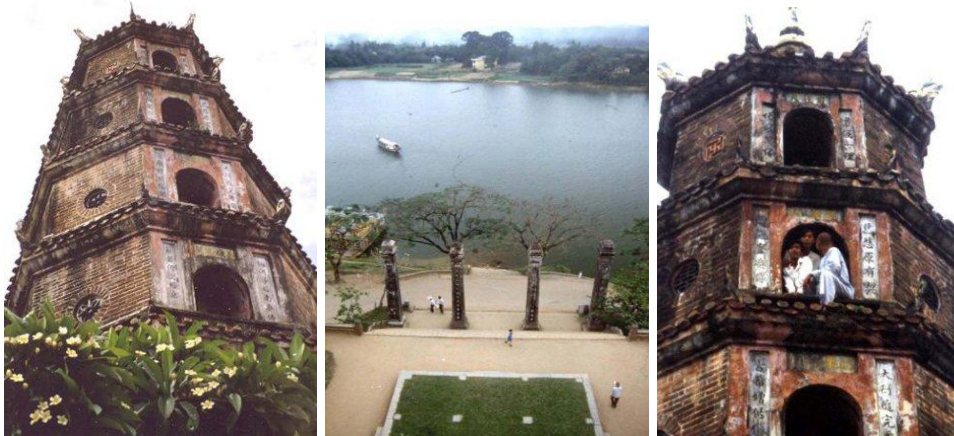


Ngày nay, đi bộ từ thành phố lên chùa, khách hết còn phải len lóc cây cối hoang rậm như thuở trước, gần đây cũng hết được dạo xem những quán hàng dọc lòng sông được giải tỏa, chỉ còn ngắm nhìn phong cảnh sông nước bao la, xa xa những dãy núi Xước Dũ, Kim Phụng yên lặng soi bóng sông Hương. Tuy nhiên, nếu tò mò tìm thì còn thấy được cổng vào ngôi nhà-vườn truyền thống An Hiên của bà Lan Hữu nay được ghi làm Di tích quốc gia, viếng thăm trong khu Đại Chung viện Kim Long ngôi mộ của cha Léopold Cadière (1869-1955), người đã khảo cứu sâu rộng văn hóa Phú Xuân và đóng góp nhiều trong hội Đô thành Hiếu cổ Association des Amis du vieux Hué. Lại gần thì từ xa đã thấy bóng tháp chùa thấp thoáng sau mấy hàng cây. Rõ ràng hơn là đến chùa bằng đò, nhìn từ sông tháp không bị che. Chỉ khi cập bến, nếu khách lại mùa hè thì mục kích được những cánh hoa phượng đỏ chói làm tăng vẻ cổ truyền của ngôi tháp rêu phong. Leo lên mấy tầng cấp, sau hai trụ đá, khách bước vào khuôn viên chùa qua bốn trụ biểu cao gần 8m, có gắn gạch hoa tráng men, với bốn vế đối của vua Thiệu Trị đánh dấu "ngự chế" phát huy tinh thần Phật giáo "dạy dỗ cho muôn loài biết đạo". Sau những trụ biểu một sân cỏ có viền mép đá thanh là nền cũ đình Hương Nguyễn được dựng vào những năm 1844-1845 nghĩa là đồng thời với bửu tháp Phước Duyên nhưng bị trận bão năm Thìn (1904) đánh đổ, sau này được cất lại phía sau điện Đại Hùng. Gọi là đình vì không phải nhà thờ, cũng không phải đình làng mà là nơi nghỉ chơi của nhà vua. Hai bên nền là hai bi đình, nhà vuông xây gạch, nền ghép đá thanh : bia phía đông kể chuyện dựng tháp Phước Duyên, bia phía tây khắc thơ của vua Thiệu Trị vịnh chùa Thiên Mụ. Toàn khuôn viên này là một nơi dạo chơi thoải mái, trước mặt có sông Hương êm đềm, những con đò nhỏ lướt nhẹ trên sóng, vào chiều in bóng trong nước, trước dãy núi hùng vĩ bao la, không khỏi gợi trong lòng khách một trạng thái thanh thoi, nhẹ nhàng nơi chốn Tiên Phật.



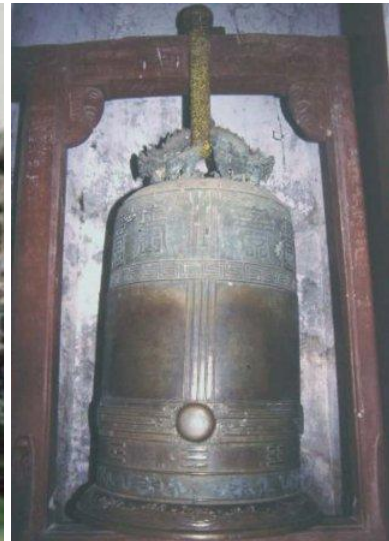
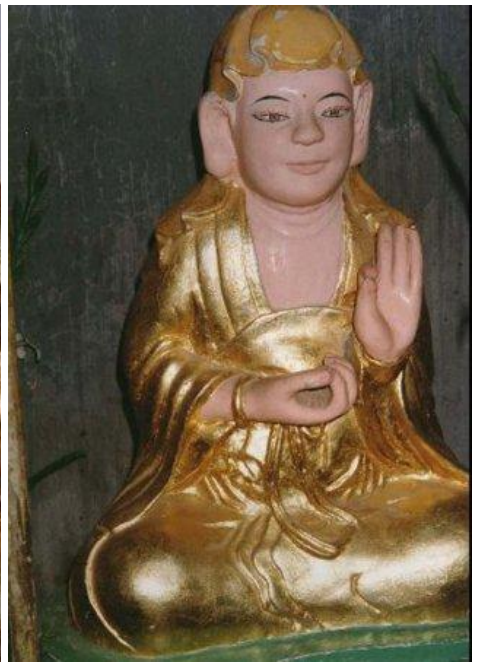
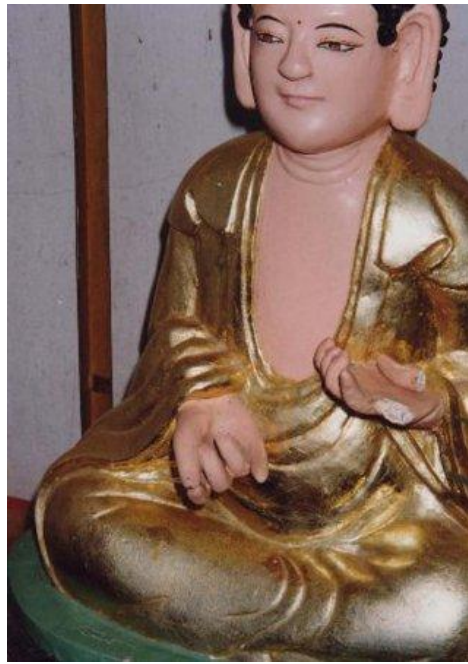
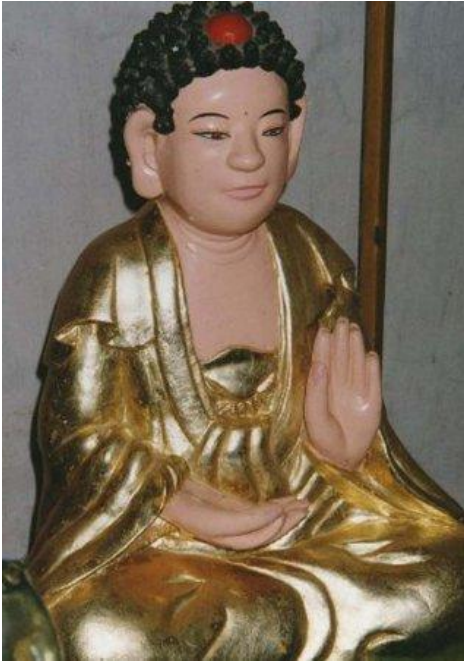
Đứng ngay sau nền Hương Nguyễn là bửu tháp Phước Duyên, lúc đầu mang tên Từ Nhân, (người Pháp gọi "tháp Khổng Tử" ?) bảy tầng bên ngoài hình bát giác (tám góc), bên trong hình tròn, cao hơn 20m, kể từ mặt nước sông Hương thì cao gấp đôi. Ngó lên ngọn tháp bảy tầng, Một đêm em dậy mấy lần nghe chuông... Tháp có tường bằng gạch nung già để trần không tô, dùng mạch vôi hồ kết dính, xây trên nền đá

thanh cứng với một lớp móng chôn vùi dưới đất không biết dày bao nhiêu, trông tương tự tháp Chăm. Cả tám mặt đều có lan can, hai cửa trước và sau, trang trí bằng gạch hoa tráng men Long Thọ hay pháp lam. Mỗi tầng tháp có cửa tò vò cho ánh sáng lọt vào, cửa tròn thông gió không hoàn toàn cân đối, lại có hoa văn khác nhau : chữ thọ (tầng dưới cùng), chữ vạn (tầng tư và tầng trên cùng), hoa thị 4 cánh (các tầng năm và sáu) hay 6 cánh (tầng ba). Muốn lên tầng trên, khách phải trèo một cầu thang xoắn ốc hướng tay mặt chứ không phải hướng tay trái như thường lệ. Lên càng cao, tháp càng nhỏ lại nhưng kiến thiết các tầng đều giống nhau. Cầu thang xoắn ốc không đưa lên đến tầng chót, muốn lên phải dùng một cái thang gỗ bắc trong một ô cửa và di động được. Nghe nói lúc trước tầng này được bảo vệ chặt chẽ, có ổ khóa do bộ Lễ quản lý ! Vậy mà tượng Phật bằng vàng (nếu có) đặt ở đây vẫn bị mất ! Trên cửa tò vò có bức hoành phi đề Tự Tại Thiên xác định đây là cõi Trời. Qua cửa tò vò khách được chiêm ngưỡng vừa một quang cảnh sông núi hùng vĩ chốn đế đô, vừa một bức tranh hữu tình của đất nước Hương Bình, nơi gặp gỡ sông nước và non cao.

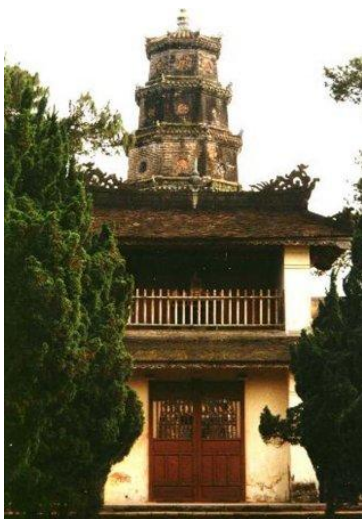


Ở mỗi tầng, một bức hoành phi đặt giữa hai vế đối. Hoành phi tầng dưới cùng đề tên của tháp : Phước Duyên Bảo Tháp. Lần lượt sáu bức hoành phi khác cũng có ba hay bốn chữ : Phúc bị quần sinh, Hóa thông vạn loại, Thiện căn hữu khế, Phước quả thường viên, Cực lạc cảnh, Tự Tại Thiên. Mỗi tầng thờ một Kim thân Thế tôn, theo bia đá Ngự chế Thiên Mục Tự, từ trên xuống dưới : đệ nhất Quá Khứ Tỳ Bà Thi Phật (Vispasin) ; đệ nhị Thi Khí Phật (Sikhin) ; đệ tam Ty Xá Phú Phật (Vessabhu) ; đệ tứ Câu Lưu Tôn Phật (Krakuchanda) ; đệ ngũ Câu Na Xá Mâu Ni Phật (Kanakamuni) ; đệ lục Ca Diếp Phật (Kashyapa) ; đệ thất Trung Thiên Điền Ngự Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Văn Phật (Sakyamuni), Tây Phương Cực Lạc Pháp Vương (Amitabha), bồi chi hữu A Nan (Ananda), Ca Diếp (Kashyapa) tôn giả. Vậy thì có tất cả 9 hay 10 pho tượng. Dù sao, những tượng này bằng vàng (theo tiếng đồn ít nhất cũng có một pho và bị mất) hay bằng đồng sợ bị trộm cắp nên một đạo được thỉnh vào thờ ở điện Đại Hùng và thế vào tháp những tượng bằng thạch cao sơn màu đồng. Hình dạng và y phục các vị Phật quá khứ này không mấy khác nhau, tất cả tóc đen trừ một vị tóc vàng, chỉ phân biệt ở ấn quyết nơi hai tay. Năm 1999 tôi chỉ chụp được ảnh 8 pho tượng này. Từ năm 2007, những tượng bằng đồng đã được thỉnh về lại tháp.



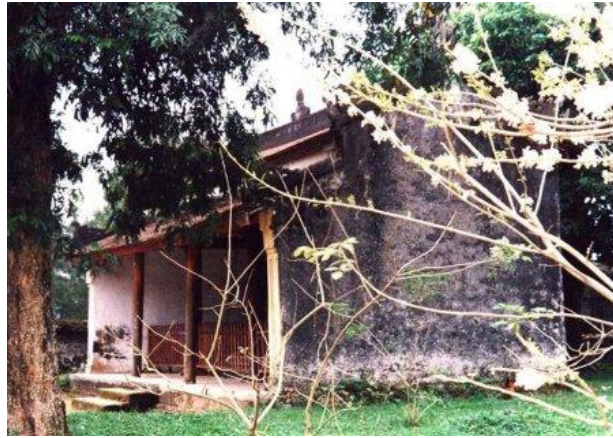


Sau lưng bảo tháp Phước Duyên, vua Khải Định (1885-1925) có cho dựng năm 1919 một tấm bia nhỏ lộ thiên kê sơ lược sự tích chùa. Ngay sau bia là một tam quan gọi là Nghi Môn, phía đông có lầu Chuông, phía tây có lầu Trống. Rộng gần 5m, dài gần 15m, cao gần 4m, trần bằng gỗ, cửa chính vào chùa này gồm có ba gian, có vách phân cách, trong mỗi gian có tượng hai vị Hộ pháp Dharmapala rất sinh động, dáng điệu, bộ mặt, xiêm áo, giáp trụ khác nhau. Phía trên bên kia cửa là ba tò vò, ở chính giữa có biển gỗ đề Linh Mục Tự, chạm hoa văn rồng, nét sơn son thếp vàng nay đã phai màu, hai biển phía đông đề Đại Từ Bi, biển phía tây đề Đại Trí Tuệ, đều đắp nổi. Một cái thang dẫn lên lầu, mặt trước đóng đồ gỗ, phía sau xây vào chùa để trống, nhìn từ dưới chẳng thấy rõ, lên trên lầu khách ngạc nhiên phát hiện được một tượng Ngọc Hoàng, mặc dầu nghe nói chùa chỉ giữ lại những hình tượng Phật giáo, bảo vệ đằng sau là một vị Hộ Pháp to lớn, chống kiếm, uy nghi nghiêm nghị.



Qua khỏi Nghi Môn, khách đạt đến một khoảng trống với ba lối đi và hai bên hai nhà Lô Gia, loại miếu thờ đối diện xây năm 1815 dưới đời Gia Long. Mỗi Lô Gia chứa ba pho tượng Kim Cương có nhiệm vụ bảo vệ Đạo pháp, đuổi dẹp ác quỷ. Được đắp bằng đất sét trộn với trấu và rơm, mỗi tượng lớn bằng người thật, có một thế ngồi, một cách để chân, một ấn quyết hay dụng cụ ở hai tay khác nhau. Tuy là những vị thần lúc trước mang chùy kim cương Vajrapanis, áo, mũ, hia, giáp trụ, vũ khí, vòng quanh thiên thần, màu sắc tô vẽ sặc sỡ biểu lộ một sắc thái Trung Quốc. Như để khuyến khích khách gạt bỏ mọi ưu phiền, ác tính trước khi vào chùa, mỗi vị được trình bày đạp chân lên một con thú nhỏ : cóc, rắn, khỉ, hổ, rùa, lân tượng trưng cho thú tính. Như

vậy, trước lúc bước vào điện Đại Hùng tất là cõi Phật, đi ngang trước nhà Lô Gia, khách mang một đầu óc thư thái, thanh thẳng rũ sạch mọi bụi trần.

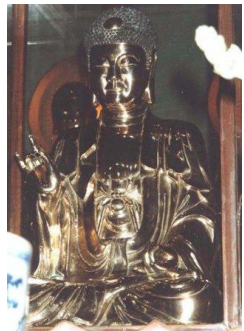
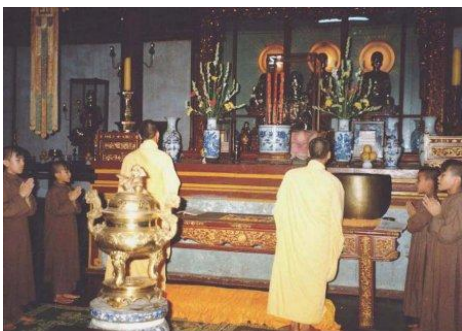


Lối giữa từ Nghi Môn dẫn thẳng vào Bảo điện Đại Hùng (người hùng là đức Phật, có quyền lực chế ngự mọi quỷ sứ), một tòa nhà lớn gồm có hai phần : tiền đường năm gian hai chái và chính đường, ba gian hai chái hợp lại thành bốn mái, hai mái chồng nhau, nóc chính điện cao hơn nóc tiền đường. Trên nóc tiền đường có hai con rồng châu một Pháp Luân trong có chữ Phật. Trên nóc chính điện cũng có hai con rồng châu một mặt trời giữa bảy ngọn lửa sắp dọn thành búp hoa sen trong có chữ Vạn. Hai đầu chái chính điện và tiền đường có hình con dơi gắn sành mảnh sứ.

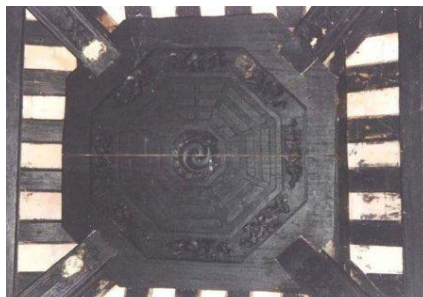
Trong thiên đường trang trí giản dị, có hai vế đối 12 chữ của vua Thiệu Trị và hai vế đối 21 chữ của triều đình vua Bảo Đại (1913-1997). Ở chính giữa, một tượng đồng rất lớn đức Phật Di Lạc Maitreya, tai lớn dài, cao 0m80, đặt trên một bệ lớn bằng gạch cao hơn 1m. Ngài ngồi vui thích, chân mặt co lên, chân trái xếp bằng, áo trạc ra cho lộ cặp vú và cái bụng phệ, miệng cười thoải mái. Treo trên pho tượng là bức hoành phi sơn son chữ lớn Linh Thứu Cao Phong (đỉnh núi nơi đức Phật chuyển pháp lần thứ hai, giảng bộ Kinh Diệu pháp liên hoa), thủ bút của chính chúa Nguyễn Phúc Chu, lúc trước treo trong chính điện. Một bảo vật còn xưa hơn trong tiền đường là cái khánh đồng dài 1m60, rộng 0m55, treo trên một cái giá gỗ, đúc ở Phường Đúc, trang trí hai mặt : một mặt đề tên Bình Trung Quán Khánh và niên hiệu Vĩnh Trị nhị niên tuế Đinh Tỵ (tức là 1677) trọng thu tạo ; mặt kia đề tên người phụng cúng Hội chủ Trần Đình Ân đạo hiệu Minh Hồng, pháp danh Tịnh Tín, Thập phương công đức và hình sao Bắc Đẩu nằm m giữa nhị thập bát tú, trên một mặt trời với bốn ngọn lửa. Đồng Triều Hào Trần Đình Ân (1626-1707) là nhạc gia của Nguyễn Khoa Chiêm, cả hai đều làm quan to trong triều Minh Vương. Có thể tin là khánh đã được đúc cho chùa Bình Trung và sau đưa qua chùa Thiên Mụ.



Chính đường hay thượng điện chiếm toàn chiều dài ba gian của điện, dài 30m, rộng 12m, lúc trước cột, kèo, xuyên, trính đều làm bằng gỗ lim, gỗ sao, nền lát gạch Bát Tràng, từ ngày trùng tu năm 1958, được thay bằng xi măng cốt sắt. Ở tiền đường khách thấy ngay một bức hoành phi mang ba chữ Đại Hùng Điện. Trên bàn thờ Phật đặt trong cùng có ba tượng Tam Thế thể hiện Tam Thân, bằng đồng, giữa là đức Thích Ca Mâu Ni Sakyamuni, bên trái có đức A Di Đà Amitabha, bên mặt có đức Di Lặc Maitreya, tất cả đều ngồi thiền trên hộp sơn đỏ, hai chân chéo nhau, mỗi vị một ấn quyết khác nhau. Cơ thể dỏng cao, dáng đầu thanh trên một cổ dài, những nếp áo che lấp vai chỉ để lộ những nút giây giữ vạt áo dưới,... nhiều chi tiết kê sắp các tượng này trong số hình tượng Phật giáo đẹp nhất ở Việt Nam. Năm 1999, trước bàn thờ này có bảy vị Phật nhỏ cũng bằng đồng, khó thấy, lúc trước đặt trong tháp Phước Duyên, nay đã được thỉnh về lại tháp. Trước các vị này năm 1999 còn có một tượng đồng Di Lặc tương đối nhỏ hơn và trong tủ kính tượng đức Thế Tôn Sakyamuni. Hai bên bàn thờ, hai vị bồ tát nắm hoa sen Phổ Hiền Samantabhadra cỡi con thanh sư bên mặt, vị Đại Thế Chí Manjushri cỡi con sư tử bên trái, đều được đặt trong tủ kính. Hậu điện chỉ có một bàn thờ Thạch hòa thượng. Theo các sách xưa, thượng điện còn chứa nhiều hình tượng khác, không thuộc về Phật giáo như các thần Nam Tào, Bắc Đẩu đã được loại ra. Tượng Ngọc Hoàng ở Nghi Môn là một tàn tích còn sót



Sau bảo điện Đại Hùng là điện Địa Tạng Kshitigarbha dài hơn 28m, rộng gần 20m, xây năm 1815 trên nền điện Di Lạc, với bộ sườn đình Hương Nguyên dời vào. Dấu tích xưa, gồm có mười sáu cột, bốn cột mè ở giữa, bốn mái, bốn kèo mái, trần hình bát quái, điện là một lầu vuông, chạm trổ hoa lá hay hình bát bửu (cây đàn, bầu rựu,...). Khoảng trống giữa các cột được chia thành học hình chữ nhật và ô vuông khắc dưới 96, trên 32 câu thơ bằng chữ Hán của vua Thiệu Trị, chạm hoa lá mai, lan, cúc, trúc, bút lông, ống sáo, gương, khánh, đàn,... Điện này lúc trước được thiết kế để thờ đức Quan Công tức Quan Võ, Quan Vân Trường hay Quan Thánh (thường kèm theo Trương Phi và Quan Bình), không hẳn phải thần Phật giáo, vì vậy vào khoảng thập niên 50 đức Quan Công được dọn đi và điện được đổi thờ Địa Tạng là vị bồ tát tự nguyện xuống Âm phủ để cứu khổ cứu nạn những âm hồn đang bị quỷ sứ đày đọa. Năm 1999, khi chúng tôi viếng chùa, điện để trống không, chỉ thấy hai chú tiểu ngồi học trên hai cái bàn nhỏ.



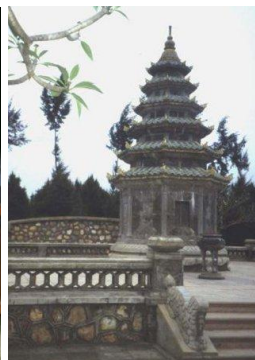
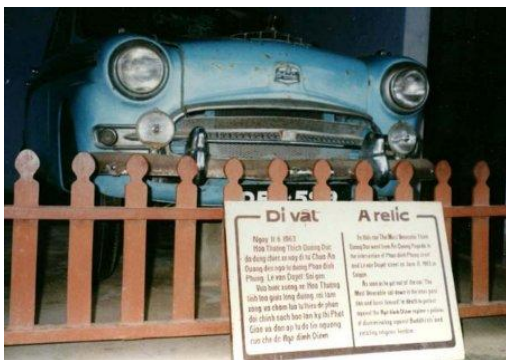
Nhà thờ sau cuối khu Thiên Mục là điện Quán Âm Avalokitesvara, xây trong lùm cây, từ đời Gia Long. Sân, tầng cấp lát gạch Bát Tràng, điện dài gần 20m, rộng 13m rưỡi, ba gian, hai chái với ba cửa ra vào, hai cửa nách, trang trí giản dị không có hoa văn. Tượng đức Quán Thế Âm Bồ Tát lớn, bằng đồng, ngồi trên tòa sen, nét mặt dịu dàng, đặt trước bức hoành phi Quán Âm Điện.

Còn có một tượng Quan Âm bằng đá, thế đứng, đặt trước tượng kia, trong tủ kính, cũng không kém phần nghệ thuật nữ phái, ngón tay thon dài, tay mặt để thẳng xuống, tay trái đưa lên ngang ngực, đều có ấn quyết. Hai bên có hai bàn thờ Thập Điện Vương, mỗi bên 10 vị, 5 vị ngồi trước bằng đất nung sơn vàng, nhỏ, cũ hơn, 5 vị ngồi sau bằng đất sét nhiều màu, có râu cằm và trêu mép.

Áo, mũ giống nhau, mỗi vị có một bộ mặt khác nhau nhưng đều nghiêm nghị như những ông quan ra tòa. Những tượng này có thể thỉnh từ hai dãy Thập Vương ở cạnh và bị phá đổ cùng lúc với điện Di Lạc. Phía sau điện thờ Địa Tạng, một tượng lớn bằng đồng vàng chói, ngồi trên ghế, tay trái đặt trên thành ghế, tay mặt một ấn quyết. Rất có thể tượng này lúc trước được đặt thờ trong điện Địa Tạng xây lại trên nền điện Di Lạc.




Vị trụ trì sau cùng của chùa lãnh đạo Phật giáo Huế có tiếng tăm là Hòa thượng Thích Đôn Hậu có phần mộ và ngôi tháp sau cuối khu chùa, núp bóng dưới nhiều cây yên tĩnh. Một vị tu hành có tiếng khác là Hòa thượng Thích Quảng Đức, tự thiêu ở Sài Gòn ngày 11 tháng sáu năm 1963, hiện có mặt qua bằng giải thích bằng hai thứ tiếng Việt và Anh đặt trước một chiếc xe hơi đã chở Ngài. Trong khuôn viên chùa còn có nhà bếp, vườn rau. Con Rùa Mốc thường được nhắc đến, ngày nay chỉ còn những đám gạch sứt đổ ngoài tường chùa. Sau cuối chùa còn có hai ngôi nhà xưa thấp thoáng trong lùm cây gợi lên ý nghĩ quang cảnh của ngọn đồi khi chùa mới được xây dựng thành. Với một kiến trúc tuyệt diệu, những báu vật mỹ thuật, chùa Thiên Mụ thật là một kiệt tác nghệ thuật tinh vi vùng Phú Xuân hài hòa giữa môi trường êm dịu đất Thần Kinh. Tôi rất mừng khi nhà tôi chọn ngôi chùa quê tôi làm đề tài luận văn vì là một dịp để cô ta tìm hiểu sâu xa hơn tâm hồn Phật giáo nói chung, phong cách xứ Huế nói riêng, từ đây tôi cũng hưởng lây được kiến thức mà cô ta đã gom góp. Khi luận văn được in thành sách (*) bà Hội trưởng Hội Những Người Bạn Viễn Đông AFAO không ngần ngại cho in dấu của Hội lên bìa sách với lời giới thiệu cho khách chỉ biết tiếng Pháp cần có cuốn sách này trong tay khi đến viếng Huế !





Mừng Phật Đản 2555
Xô thành tiệt Thanh minh 2011

Tham khảo

- (*) Vo Quang Liliane, Le temple de la Dame Céleste (Chùa Thiên Mụ) à Hué  sanctuaire bouddhique et miroir de l'ancienne capitale du Vietnam, Université de Paris VII 1998, Cahiers de Péninsule 6 2004
- Nguyễn Đắc Xuân, Bốn trăm năm chùa Thiên Mụ, nxb Thuận Hóa Huế 1998
- Hà Xuân Liêm, Chùa Thiên Mụ, nxb Thuận Hóa Huế 1998
- Hà Xuân Dương, Kiến trúc chùa Thiên Mụ, nxb Đà Nẵng 1998
- Phanxipăng, Leo tháp Phước Duyên, Tc Nghiên cứu và Phát triển 3(80) 2010 ; Chim Việt Cành Nam 42 2011